

# Ý TƯỞNG XÂY DỰNG HÀNH LANG KINH TẾ NAM NINH - LẠNG SƠN - HÀ NỘI - HẢI PHÒNG - QUẢNG NINH

NÔNG LẬP PHU\*

**Đ**úng khi Trung Quốc và các nước ASEAN xây dựng khu vực mậu dịch tự do, ngày 20-5-2004, Thủ tướng Chính phủ Việt Nam Phan Văn Khải khi sang thăm Trung Quốc, trong lúc hội đàm với Thủ tướng Chính phủ Trung Quốc Ôn Gia Bảo đã đưa ra đề nghị xây dựng “hai hành lang, một vành đai” giữa Trung Quốc và Việt Nam, tức hành lang kinh tế Côn Minh – Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh; hành lang kinh tế Nam Ninh - Lạng Sơn - Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh; vành đai kinh tế vịnh Bắc Bộ. Trong đó Quảng Tây chiếm một hành lang và một vành đai. Điều này chứng minh Quảng Tây đóng vai trò địa lý vô cùng quan trọng trong xây dựng “hai hành lang một vành đai” giữa Trung Quốc và Việt Nam. Do vậy, chính quyền khu tự trị dân tộc Choang Quảng Tây trong khuôn khổ xây dựng chính sách “hai hành lang một vành đai” đã chủ động liên lạc, xây dựng cơ chế, kế hoạch hợp tác hai bên, thúc đẩy kinh tế cùng phát triển với chính quyền các tỉnh có liên quan của Việt Nam trong một hành lang và một vành đai trên.

Xây dựng hành lang kinh tế Nam Ninh- Lạng Sơn - Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh đã có nhiều điều kiện tốt:

*Trước hết*, hai bên có cơ sở hạ tầng cửa khẩu tốt, những năm gần đây đã đạt được thành tựu đáng mừng trong triển khai hợp tác kinh tế mậu dịch biên giới. Quảng Tây có 8 huyện thị tiếp giáp với ba tỉnh của Việt Nam là Quảng Ninh, Lạng Sơn và Cao Bằng, đường biên giới dài 637 km. Dọc biên giới hai bên có 5 cặp cửa khẩu cấp I quốc gia là Đông Hưng - Móng Cái; Bằng Tường-Đông Đăng; Hữu Nghị Quan; Thủy Khẩu- Tạ Lùng; Long Bang-Trà Lĩnh, ngoài ra còn 7 cửa khẩu cấp II quốc gia và 25 chợ đường biên, 4 chợ cảng ven biển. Mấy năm lại đây, Quảng Tây và Việt Nam trong triển khai hợp tác kinh tế mậu dịch biên giới đạt được thành tích đáng mừng. Theo số liệu thống kê của Hải quan Nam Ninh, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu năm 2003 giữa Quảng Tây và các nước ASEAN là 826 triệu USD, trong đó Việt Nam chiếm 660 triệu USD. Mậu dịch giữa Quảng Tây và Việt Nam chủ yếu là mậu dịch tiểu ngạch biên giới.

\* PGS. Viện Nghiên cứu Đông Nam Á - Viện KHXH Quảng Tây Trung Quốc.

với kim ngạch là 535 triệu USD, chiếm 81,06% mức mậu dịch hai bên. Việt Nam 5 năm liền là bạn hàng lớn nhất trong mậu dịch giữa Quảng Tây với các nước Đông Nam Á.

*Hai là*, hai bên có tiềm năng du lịch phong phú, ví như vịnh Hạ Long và Hà Nội của Việt Nam; Quế Lâm và bãi biển Bắc Hải của Trung Quốc đều là những điểm du lịch nổi tiếng thế giới. Ngoài ra Quế Lâm, Liễu Châu, Long Châu, Thanh Tây... còn là di chỉ hoạt động cách mạng trước đây của Chủ tịch Hồ Chí Minh- lãnh tụ vĩ đại của nhân dân Việt Nam và các nhà cách mạng tiền bối khác.

*Ba là*, có nguồn tài nguyên khoáng sản phong phú. Ví như mỏ than Hòn Gai của Việt Nam là mỏ than gầy nổi tiếng của thế giới, ngoài ra các tỉnh biên giới còn có nguồn tài nguyên phong phú như quặng sắt, nhôm, mangan ... phong phú.

*Bốn là*, có nguồn tài nguyên nước phong phú. Sông Bình Nhi từ Lạng Sơn chảy sang Bằng Tường, sông Áp Thủy chảy vào huyện Long Châu và Sông Thủy Khẩu chảy từ Cao Bằng sang huyện Long Châu có nguồn nước phong phú, có thể xây dựng trạm thủy điện.

*Năm là*, máy cơ giới nông nghiệp, giống lúa, giống tằm, giống cây... của Quảng Tây, Trung Quốc được nông dân Việt Nam ưa chuộng.

*Sáu là*, Đông Hưng, Bằng Tường và huyện Long Châu, Trung Quốc đã lần lượt mở đường xe khách và vận chuyển

hàng hóa quốc tế sang thành phố Hạ Long, Lạng Sơn, Cao Bằng của Việt Nam.

*Bảy là*, thành phố Nam Ninh đã trở thành địa chỉ lâu dài của hội chợ giữa Trung Quốc và ASEAN, là nơi hợp tác và giao lưu giữa các nhà doanh nghiệp Trung Quốc-Việt Nam, các nước ASEAN khác..

*Tám là*, Quảng Tây có ưu thế khu vực rõ nét, là con đường lớn cho khách du lịch, hàng hoá và kỹ thuật của Trung Quốc đi vào thị trường Việt Nam và các nước Đông Nam Á khác, đồng thời cũng là cửa ngõ quan trọng đi vào thị trường Trung Quốc cho Việt Nam và các nước ASEAN khác.

*Chín là*, huyện Long Châu của Quảng Tây đã xây dựng cơ chế hợp tác với các huyện Phục Hoà, Hạ Lang, Thạch Lương của Cao Bằng và huyện Trường Định của tỉnh Lạng Sơn, trở thành tám gương hợp tác giữa các huyện biên giới Trung Quốc-Việt Nam.

Để sử dụng tối đa nguồn tài nguyên thiên nhiên hiện có và điều kiện tự nhiên thuận lợi, trong xây dựng hành lang kinh tế Nam Ninh-Lạng Sơn-Hà Nội- Hải Phòng- Quảng Ninh, hai nước Trung Quốc và Việt Nam cần làm tốt các hạng mục hợp tác sau:

(1) *Hợp tác giao thông*: Thông đường vận chuyển hành khách và hàng hoá quốc tế từ Nam Ninh đi Hà Nội, thông đường sắt vận chuyển hành khách từ Quế Lâm đi Hà Nội-Hải Phòng-thành

phố Hạ Long Quảng Ninh, thúc đẩy hợp tác kinh tế, mậu dịch và du lịch giữa hai bên. Trung Quốc có câu “muốn làm giàu, đầu tiên phải làm đường”. Có thể thấy đường xá có vai trò rất quan trọng trong xây dựng kinh tế. Hợp tác kinh tế mậu dịch quốc tế cũng như vậy, hợp tác giao thông phải đi trước mới có thể tạo điều kiện tiền đề cho các hạng mục hợp tác khác. Hợp tác giao thông giữa huyện Long Châu Quảng Tây Trung Quốc và tỉnh Cao Bằng của Việt Nam đủ minh chứng cho vấn đề này. Từ ngày 1-12-2003 đã thông tuyến đường xe khách và hàng hoá quốc tế từ huyện Long Châu của Quảng Tây sang thành phố Cao Bằng của tỉnh Cao Bằng, làm gia tăng lượng hàng hoá và người đi lại, giảm giá thành vận chuyển, làm cho hợp tác kinh tế, mậu dịch, du lịch giữa huyện Long Châu và thành phố Cao Bằng được phát triển hơn nữa. Hiện nay, hàng tuần Công ty Du lịch Cao Bằng đều đưa đoàn du lịch sang phố huyện Long Châu để du lịch và mua hàng hoá, ngược lại, công ty du lịch huyện Long Châu cũng đưa đoàn sang Cao Bằng du lịch. Điều này cho thấy trong triển khai hợp tác kinh tế, mậu dịch, du lịch giữa Trung Quốc và Việt Nam, hợp tác du lịch phải đi trước một bước. Hiện nay quốc lộ 1 b từ Hà Nội đi Lạng Sơn đã làm xong, Quảng Tây đang xây dựng đường cao tốc Nam Ninh đến Hữu Nghị Quan dài 180 km, nối với quốc lộ 1 của Việt Nam, dự tính đến cuối năm 2005 thông xe. Sau khi thông xe, thời gian từ Nam Ninh đến Hà

Nội giảm từ 8 tiếng xuống còn 4 tiếng. Việc thông tuyến đường quốc tế Nam Ninh-Hà Nội sẽ tăng tốc trao đổi hàng hoá và số người đi lại, giảm giá thành vận chuyển, nâng cao năng lực cạnh tranh của hàng hoá.

(2) *Hợp tác du lịch*: Hợp tác du lịch giữa Quảng Tây và Việt Nam đã có cơ sở tốt, hiện đã có mấy tuyến đường du lịch hai bên:

- Từ Đông Hưng xuất cảnh, đi thăm Hạ Long, Hải Phòng, Hà Nội. Hoàn thành hành trình lại nhập cảnh Đông Hưng;

- Xuất cảnh từ Bằng Tường, đi thăm Hạ Long, Hải Phòng và Hà Nội của Việt Nam. Hoàn thành hành trình lại nhập cảnh Bằng Tường;

- Từ thành phố Bắc Hải hoặc cảng Phòng Thành xuất cảnh, đi tàu cánh ngầm tới thăm vịnh Hạ Long, sau đó đi Hải Phòng, Hà Nội, cuối cùng lại lên tàu nhập cảnh tại nơi xuất cảnh.

Du khách Việt Nam có visa du lịch có thể sang Nam Ninh, Quế Lâm, Bắc Hải hoặc các nơi khác du lịch, du khách Trung Quốc có visa du lịch có thể sang thăm Lạng Sơn, Hà Nội, Hải Phòng, Quảng Ninh... Theo tìm hiểu, từ ngày 12-9-2004 (Ngày Việt Nam bắt đầu cho phép du khách Trung Quốc có visa đi thăm tất cả các tỉnh thành phố) đến ngày 12 tháng 10 đã có khoảng 150.000 lượt du khách Trung Quốc sang du lịch Việt Nam, con số này bằng gần hai lần các tháng đầu năm 2004. Theo tạp chí

Việt Nam, năm 2004 có 700.000 lượt du khách Việt Nam sang Trung Quốc du lịch. Hợp tác du lịch sẽ đi đầu trong hợp tác kinh tế mậu dịch giữa Trung Quốc và Việt Nam. Do vậy, xây dựng hành lang kinh tế Nam Ninh - Lạng Sơn - Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh phải đặt hợp tác du lịch ở vị trí quan trọng.

(3) *Làm tốt hơn nữa hợp tác kinh tế cửa khẩu.* Từ những năm 90 thế kỷ XX, Quảng Tây đã triển khai hợp tác kinh tế mậu dịch biên giới với Việt Nam, thúc đẩy kinh tế hai bên phát triển. Hai bên đã nhận thức được việc hợp tác kinh tế cửa khẩu sẽ lôi kéo hợp tác kinh tế mậu dịch giữa Quảng Tây và Việt Nam. Do vậy, hai bên đã tăng cường xây dựng cơ sở hạ tầng cửa khẩu cả về phần cứng và phần mềm, tạo cơ sở cho việc triển khai tốt hơn hợp tác sau này.

(4) *Hợp tác đầu tư:* Hợp tác đầu tư giữa Quảng Tây và Việt Nam có thể tính đến các hạng mục sau:

- Hợp tác xây dựng nhà máy thủy điện, nhiệt điện cung cấp cho sản xuất và sinh hoạt, cũng có thể bán cho Quảng Tây, Quảng Đông của Trung Quốc.

- Gia công nông sản, lâm sản, hải sản, khoáng sản và bảo quản hoa quả tươi. Đây là những hạng mục phát triển mà Việt Nam khuyến khích. Miền Bắc Việt Nam phần nhiều là miền núi, căn cứ vào các đặc điểm đó, có thể chăn nuôi bò, dê, chó, gà, vịt... các sản phẩm đó có thể bán sang thị trường Trung Quốc. Theo điều

tra, các loại gà, vịt địa phương do nông dân Cao Bằng nuôi bán rất chạy tại huyện Long Châu, được người tiêu dùng Trung Quốc rất ưa chuộng.

- Nông dân các huyện biên giới Việt Nam có thể trồng cây mía nguyên liệu, ngoài việc thoả mãn nhu cầu các nhà máy đường của Việt Nam, một bộ phận khác có thể bán sang các nhà máy mía đường của Quảng Tây. Quảng Tây là tỉnh sản xuất đường lớn nhất Trung Quốc, có nhu cầu lớn đối với nguyên liệu mía, giá cả cũng cao hơn bên Việt Nam một chút. Như vậy nông dân ven biên giới Việt Nam có thể thông qua trồng mía nâng cao thu nhập của mình. Ngoài ra, trồng sắn bán cho các nhà máy bột bên Quảng Tây cũng là cách để nông dân Việt Nam tăng thu nhập.

- Hợp tác sản xuất tại Việt Nam các loại máy cơ giới nông nghiệp, đồ điện gia dụng, nguyên liệu hoá học, các loại giấy, đồ dệt may... là những mặt hàng mà thị trường Việt Nam đều có nhu cầu lớn.

(5) Đề nghị Việt Nam tham gia vào hiệp định mậu dịch tự do rau quả Trung Quốc- Thái Lan, hoặc là kí hiệp định mậu dịch tự do nông sản Trung Quốc- Việt Nam, để nâng cao sức cạnh tranh của hàng nông sản Việt Nam trên thị trường Trung Quốc. Theo điều tra sơ bộ, có 40% hàng nông sản của Việt Nam bán sang thị trường Trung Quốc. Nếu Việt Nam tham gia vào hiệp định mậu dịch tự do về rau quả giữa Trung Quốc và Thái Lan hoặc kí hiệp định mậu dịch tự do nông sản với Trung Quốc, thì sẽ nâng

cao được sức cạnh tranh của hàng nông sản Việt Nam trên thị trường Trung Quốc, có lợi cho việc mở rộng hợp tác kinh tế hai bên, có lợi cho cả hai nước Trung Quốc và Việt Nam.

(6) Đề nghị Việt Nam xây dựng phố triển lãm hàng hoá và văn hoá Việt Nam tại Nam Ninh, coi đó là cửa sổ quảng bá thành tựu đổi mới mở cửa của Việt Nam, làm cho nhiều người Trung Quốc hiểu được hiện trạng phát triển kinh tế văn hoá của Việt Nam, thúc đẩy hai bên triển khai nhiều hơn các hạng mục hợp tác. Từ tháng 11-2004, hội chợ Trung Quốc - ASEAN sẽ tổ chức mỗi năm một lần tại Nam Ninh. Hội chợ sẽ là một biện pháp quan trọng mà Trung Quốc và các nước ASEAN áp dụng để đẩy nhanh bước đi xây dựng Khu mậu dịch tự do, cũng là nơi giao lưu và hợp tác kinh tế, văn hoá của Trung Quốc và ASEAN. Việt Nam xây dựng phố trưng bày giới thiệu hàng hoá, văn hoá ở Nam Ninh có lợi cho việc mở rộng ảnh hưởng kinh tế, văn hoá Việt Nam ở Trung Quốc, cũng có lợi cho hợp tác kinh tế của hai nước Trung - Việt.

(7) Kiến nghị Việt Nam đưa tỉnh Cao Bằng vào phạm vi xây dựng của hành lang kinh tế này. Tỉnh Cao Bằng là căn cứ địa cách mạng của Việt Nam, tài nguyên khoáng sản phong phú, nhân dân cần cù, do điều kiện tự nhiên kém, thời gian mở cửa muộn nên hiện nay, GDP bình quân đầu người của tỉnh Cao Bằng mới chỉ đạt hơn 200 USD, bằng một nửa của các tỉnh Lạng Sơn, Quảng

Ninh. Đề nghị Chính phủ Việt Nam đưa Cao Bằng vào phạm vi xây dựng của hành lang kinh tế này, thúc đẩy kinh tế Cao Bằng phát triển.

Để đảm bảo cho dự án hợp tác trên tiến hành thuận lợi, có hiệu quả, đề nghị Chính phủ hai nước Trung - Việt cùng với các tỉnh, thành phố, huyện và các cơ quan liên quan đến việc xây dựng hành lang kinh tế này làm tốt những việc dưới đây:

(1) Chính phủ Trung Quốc và Chính phủ Việt Nam cùng thực hiện miễn thị thực cho cư dân hai bên qua lại, nghĩa là cư dân hai bên cầm hộ chiếu có hiệu lực của Chính phủ hai nước cấp thì có thể tự do qua lại Trung Quốc và Việt Nam. Hiện nay, hai nước Trung - Việt đã thực hiện cùng miễn thị thực đối với hộ chiếu công vụ, hộ chiếu phổ thông AB, nhưng hộ chiếu phổ thông nhân dân thì vẫn cần thị thực, điều này không có lợi cho hai bên triển khai hợp tác kinh tế, thương mại, du lịch. Hộ chiếu phổ thông nhân dân cũng cần cùng miễn thị thực, cho phép cư dân hai nước tự do qua lại. Như vậy, trước hết thúc đẩy phát triển hợp tác du lịch, thứ hai ngành du lịch sẽ kéo theo các ngành liên quan phát triển, thứ ba dòng người lại có thể kéo theo dòng vốn, dòng hàng hoá và dòng tin tức.

(2) Xây dựng cơ chế hợp tác với chính quyền tỉnh, thành phố, huyện có liên quan của hành lang kinh tế Nam Ninh - Lạng Sơn - Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh, kịp thời giải quyết các vấn đề nảy sinh trong hợp tác kinh tế. tiến hành

thuận lợi việc xây dựng hành lang kinh tế này.

- Cơ chế hợp tác lãnh đạo cấp tỉnh. Cơ chế hợp tác lãnh đạo cấp tỉnh có thể gọi là Hội nghị Nam Ninh về hợp tác Quảng Tây - Việt Nam, luân phiên tổ chức hàng năm tại Nam Ninh - Quảng Tây hoặc ở nơi nào đó của Việt Nam. Tổ chức hội nghị hợp tác mở rộng Quảng Tây - Việt Nam 3 năm một lần ở Nam Ninh. Quảng Tây phụ trách mời lãnh đạo các tỉnh, thành phố Vân Nam, Trùng Khánh, Quý Châu, Quảng Đông, Hồ Nam tham gia; các tỉnh, thành phố Quảng Ninh, Lạng Sơn, Cao Bằng, thành phố Hà Nội, Hải Phòng, Quảng Ninh của Việt Nam đứng ra mời lãnh đạo của các thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh khác tham gia, thông qua cơ chế này, mở rộng phạm vi hợp tác kinh tế, thương mại Trung - Việt.

Xây dựng cơ chế hợp tác lãnh đạo cấp tỉnh Quảng Tây - Việt Nam như cơ chế gặp gỡ định kỳ của cấp Chủ tịch tỉnh (khu), cấp Phó Chủ tịch tỉnh (khu), cơ chế thăm hỏi ... Thông qua cơ chế này, *thứ nhất*, lãnh đạo tỉnh với tỉnh trực tiếp tìm hiểu tình hình chính trị, phát triển kinh tế và ý tưởng hợp tác kinh tế của bên kia. *Thứ hai*, lãnh đạo Quảng Tây có thể trực tiếp hiểu về hiện trạng của hợp tác kinh tế Quảng Tây - Việt Nam, tăng cường hiểu biết nhận thức, có lợi cho việc nhằm trúng và tính chuẩn xác trong quyết sách của lãnh đạo. *Thứ ba*, kịp thời giải quyết những vấn đề tồn tại trong hợp tác kinh tế song phương, đề ra

lĩnh vực hợp tác mới, làm phong phú các nội dung hợp tác mới.

- Cơ chế hợp tác lãnh đạo huyện biên giới. Cơ chế hợp tác cấp huyện có thể mỗi quý luân phiên gặp gỡ ở huyện biên giới Trung - Việt. Hình thức của cơ chế hợp tác lãnh đạo cấp này có thể linh hoạt, đa dạng, nội dung rộng mở hơn, nhiệm vụ cũng tương đối khó khăn. Xoay quanh trục lấy văn hoá làm sân khấu, kinh tế làm khúc hát để xây dựng nên sân chơi thực tế hợp tác kinh tế, thương mại, du lịch Quảng Tây - Việt Nam, tích cực triển khai các hoạt động có lợi cho phát triển quan hệ Trung - Việt hữu nghị. Như thông qua những cơ hội như Quốc khánh, tết Nguyên đán, hội làng, lễ hội du lịch biên giới và hội chợ thương mại, ngày tết truyền thống của dân tộc Choang ở biên giới Trung - Việt và dân tộc Tày, Nùng của Việt Nam, mời bên kia sang thăm, tích cực triển khai các hoạt động thi đấu được nhiều người ưa thích như bóng chuyền, bóng đá, bóng bàn, ca hát, làm cho tình hữu nghị Trung - Việt được thể hiện đầy đủ trong cuộc sống, sản xuất của nhân dân hai bên, từ đó, thúc đẩy phát triển hợp tác kinh tế song phương. Làm như vậy đều có lợi cho xây dựng kinh tế của cả hai bên. Ngoài ra, tổ chức các lớp bồi dưỡng ở các huyện, thị trấn biên giới như lớp dạy tiếng Trung, lớp dạy tiếng Việt, lớp bồi dưỡng kỹ thuật ứng dụng nông nghiệp, lớp dạy kỹ thuật nấu ăn. Phía Trung Quốc đào tạo nhân tài tiếng Trung cho phía Việt Nam, phía Việt Nam đào tạo nhân tài tiếng Việt cho

phía Trung Quốc, khi đội ngũ nhân tài tiếng Việt và tiếng Trung của hai bên ở biên giới Trung - Việt đã mạnh lên, thông qua báo chí, tạp chí, chương trình truyền hình, phát thanh, mạng Internet... để tìm hiểu chế độ chính trị, kinh tế, pháp luật, văn hoá giáo dục, tìm hiểu càng sâu, càng đầy đủ thì mức độ thành công của hợp tác song phương sẽ càng cao, lĩnh vực hợp tác sẽ càng rộng.

- Lãnh đạo huyện, thị trấn biên giới hai bên bố trí những người biết tiếng Việt, tiếng Trung.

Lãnh đạo huyện được huyện, thị trấn biên giới Quảng Tây phân công phụ trách về ngoại thương nhất định phải biết tiếng Việt, lãnh đạo huyện của ba tỉnh biên giới Quảng Ninh, Lạng Sơn, Cao Bằng cũng phải bố trí người biết tiếng Trung. Như vậy, lãnh đạo huyện biên giới hai bên dễ dàng trao đổi, có lợi cho triển khai hợp tác. Lãnh đạo huyện, thị trấn biên giới Quảng Tây - Việt Nam biết tiếng Việt và tiếng Trung hay không sẽ trực tiếp ảnh hưởng đến mức độ hợp tác kinh tế của khẩu của hai bên, đây là quan điểm đã được thực tế chứng minh. Tháng 7-1997 và tháng 9-2003, Sở Nghiên cứu Đông Nam Á, Viện Khoa học Xã hội Quảng Tây lần lượt tổ chức hội thảo hợp tác kinh tế của khẩu biên giới Quảng Tây - Việt Nam cho việc quy hoạch các huyện Bằng Tường và Long Châu. Trong quá trình liên hệ với phía Việt Nam, chúng tôi cũng cảm nhận được một cách sâu sắc về tính tất yếu và tính quan trọng của việc lãnh đạo

huyện, thị trấn biên giới Quảng Tây, Việt Nam trong việc bố trí nhân tài tiếng Việt và nhân tài tiếng Trung.

(3) Doanh nghiệp của hai nước Trung - Việt phải mở rộng quảng cáo tuyên truyền sản phẩm trên thị trường của nước bên kia, làm cho càng nhiều người tiêu dùng của hai nước hiểu về chất lượng sản phẩm của nước bên kia, thúc đẩy hợp tác kinh tế thương mại song phương phát triển thuận lợi. So sánh một chút thì thấy doanh nghiệp Trung Quốc đã tổ chức nhiều lần hội chợ hàng hoá ở các nơi của Việt Nam như các tỉnh biên giới, thành phố Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh, rất nhiều người tiêu dùng, nhà sản xuất Việt Nam hiểu về sản phẩm của Trung Quốc thông qua việc tham gia những triển lãm này. Do doanh nghiệp Việt Nam tổ chức triển lãm hàng hoá ở Trung Quốc ít, nên rất nhiều người tiêu dùng trong nước Trung Quốc hiểu không nhiều về sản phẩm và tình hình phát triển kinh tế của Việt Nam. Để làm cho nhiều người tiêu dùng trong nước Trung Quốc hiểu về thành tựu cải cách kinh tế của Việt Nam hơn nữa, xin kiến nghị doanh nghiệp Việt Nam chủ động thường xuyên tổ chức triển lãm hàng hoá ở Quảng Tây hoặc các tỉnh khác của Trung Quốc.

(4) Xây dựng diễn đàn hợp tác giữa các doanh nghiệp Quảng Tây và Việt Nam, làm cầu nối cho hợp tác doanh nghiệp hai bên. Hàng năm luân phiên tổ chức diễn đàn hợp tác doanh nghiệp hai

bên ở Nam Ninh hoặc ở địa phương nào đó của Việt Nam. Theo điều tra, hiện nay các nhà doanh nghiệp của hai nước Trung - Việt vẫn chưa thật hiểu rõ lẫn nhau, điều này đã hạn chế mở rộng hợp tác song phương. Do đó, cần phải lập diễn đàn hợp tác doanh nghiệp hai bên, làm cầu nối cho hợp tác của họ.

(5) Xây dựng các loại mạng lưới dịch vụ thông tin, cung cấp thông tin có liên quan đến khuyến khích doanh nghiệp "đi ra ngoài" của Chính phủ Trung Quốc và thông tin về phát triển kinh tế, đầu tư, thương mại, cung cầu thị trường của các nước ASEAN liên quan.

(6) Hai bên cùng trao đổi thông tin, khi một bên điều chỉnh chính sách quản lý biên giới, phải thông báo cho bên kia trước, để bên kia có sự chuẩn bị tốt, tránh được những tổn thất về kinh tế, dẫn đến hiểu lầm, ảnh hưởng đến hợp tác song phương.

(7) Những người nghiên cứu khoa học Trung - Việt tăng cường công tác nghiên cứu về xây dựng hành lang kinh tế Nam Ninh - Lạng Sơn - Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh, cung cấp căn cứ lý luận cho việc đưa ra quyết sách hợp tác của Chính phủ, doanh nghiệp hai bên.

(8) Ngành giáo dục Quảng Tây tăng cường hợp tác với ngành giáo dục Việt Nam, bồi dưỡng nhân tài hợp tác kinh tế cho hai bên. Trung Quốc và ASEAN đang xây dựng Khu mậu dịch tự do, hai bên đều cần nhiều nhân tài về ngôn ngữ của nước đối phương và nhân tài trong

các lĩnh vực liên quan. Quảng Tây và Việt Nam núi liền núi, sông liền sông, phong tục tập quán của dân tộc Choang ở Quảng Tây và dân tộc Tày, Nùng của Việt Nam tương đồng, ngôn ngữ tương thông, hơn nữa, người Quảng Tây học tiếng Việt có ưu thế, phát âm rõ ràng, chuẩn xác, ở trong nước và các nước ASEAN đều được công nhận. Theo điều tra sơ bộ, hiện nay, phong trào học tiếng Trung của thanh niên Việt Nam đang phát triển, hàng năm có hàng loạt lưu học sinh đến Quảng Tây học tiếng Trung. Quảng Tây cũng cử hàng loạt học sinh sang Việt Nam học tiếng Việt. Các trường đại học của Quảng Tây có thể suy nghĩ đến việc hợp tác giáo dục đào tạo với các trường đại học của Việt Nam, đảm bảo cung cấp nhân tài cho hợp tác kinh tế, thương mại, du lịch Trung Quốc và Việt Nam.

Thực tế của hợp tác kinh tế, thương mại Trung - Việt đã chứng minh, phát triển kinh tế song phương có tính bổ trợ rất lớn. Khi xây dựng hành lang kinh tế Nam Ninh - Lạng Sơn - Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh, trước hết chúng ta phải suy nghĩ đến việc tận dụng hết tài nguyên thiên nhiên hiện có, mở rộng lĩnh vực hợp tác kinh tế thương mại trên cơ sở hợp tác vốn có của hai bên, xây dựng hành lang kinh tế này thành sợi dây nối liền hợp tác kinh tế, thương mại, du lịch Quảng Tây - Việt Nam, trở thành cầu nối của hợp tác Trung - Việt, trở thành con đường lớn của hợp tác kinh tế, thương mại Trung Quốc và ASEAN.